

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày 20/8/2020

V/v Tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Q T T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông T V P;

2. Ông P V C.

- *Thư ký phiên toà: Ông D V A – Thư ký Toà án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL tham gia phiên toà: Bà Đ V L – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 07/01/2020 về “*Tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị T H T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp PT, x PL, H PL, T BL.

2. *Đồng bị đơn:* Bà M B N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp PT, x PL, H PL, T BL.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Anh V C T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp PT, x PL, H PL, T BL.

Anh T ủy quyền cho chị T tham gia tố tụng.

- Ông P V H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp PT, x PL, H PL, T BL.

(Chị T có mặt tại phiên tòa; bà N và ông H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai nguyên đơn chị T H T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh V C T trình bày:

Bà M B N cùng chồng ông Phạm Minh H có tham gia 02 dây hội do chị T làm chủ hội, cụ thể: dây hội thứ nhất loại hội 500.000 đồng/ 1 tháng, mở hội ngày 20/02/2016, dây hội mở có 29 phần hội, bà N có tham gia chơi 01 phần hội và đã hốt, còn nợ lại 01 phần hội chết là 500.000 đồng, hiện dây hội này đã mãn hội; dây hội thứ hai loại hội 500.000 đồng/ 1 tháng, mở hội ngày 10/02/2017, dây hội mở có 32 phần hội, bà N có tham gia chơi 02 phần hội và đã hốt ở kỳ mở hội thứ 06 và thứ 09, còn nợ lại 38 phần hội chết (02 phần hội) với số tiền 19.000.000 đồng, hiện dây hội này đã mãn hội. Nay chị T yêu cầu bà N và ông H trả số tiền hội còn t H là 19.500.000 đồng. Đến ngày 17/8/2020 chị T có đơn yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông P V H.

Bị đơn bà M B N có lời khai trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia 02 dây hội do chị T làm chủ hội, cụ thể: dây hội thứ nhất loại hội 500.000 đồng/ 1 tháng, mở hội ngày 20/02/2016, dây hội mở có 29 phần hội, bà có tham gia chơi 01 phần hội và đã hốt, còn nợ lại 01 phần hội chết là 500.000 đồng, hiện dây hội này đã mãn hội; dây hội thứ hai loại hội 500.000 đồng/ 1 tháng, mở hội ngày 10/02/2017, dây hội mở có 32 phần hội, bà có tham gia chơi 02 phần hội và đã hốt ở kỳ mở hội thứ 06 và thứ 09, còn nợ lại 38 phần hội chết (02 phần hội) với số tiền 19.000.000 đồng, hiện dây hội này đã mãn hội, việc tham gia chơi hội chỉ do một mình bà N tham gia chứ ông H chồng bà không biết. Nay bà đồng ý cho chị T trả số tiền hội còn thiếu là 19.500.000 đồng.

Bị đơn ông P V H có lời khai trình bày: Việc vợ ông bà M B N chơi hội với chị T H TN thế nào thì ông không biết, do ông thường xuyên đi làm ăn. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của chị T.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của chị T đối với ông H; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T H T, buộc bà M B N có nghĩa vụ trả cho chị T, anh T số tiền hội là 19.500.000 đồng. Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trong giai đoạn thi hành án. Về án phí: buộc bà N phải nộp số tiền 975.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T H T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M B N trả tiền nợ hội. Bà N có địa chỉ cư trú tại huyện Phước Long. Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL. Về phía bà N, ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên

việc xét xử vắng mặt bàN, ông H là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, lời khai chị T H T yêu cầu bàM B N và ông P V H trả tiền nợ hui còn tH số tiền 19.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Về phía bàM B N thừa nhận có tH chị T số tiền hui là 19.500.000 đồngN chị T yêu cầuNng cho rằng đây là nợ hui riêng của bàN thiếu chị T chứ ông H chồng bà không biết.

[3] Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ghi ngày 17/8/2020 chị T H T xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông P V H; Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của chị T đối với ông H.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T đòi bàN trả tiền hui số tiền 19.500.000 đồng. Tại lời khai ngày 12/3/2020 bàN thừa nhận còn thiếu chị T số tiền nợ hui 19.500.000 đồng, đồng ý trả cho chị T số tiền này; Hội đồng xét xử thấy rằng lời thừa nhận của bà N là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T kiện bàN đòi tiền hui còn thiếu số tiền 19.500.000 đồng.

[5] Về án phí: Buộc bàM B N phải chịu án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, điểm c khoản 1 Điều 217 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 471 và 280 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của chị T H T kiện đòi ông P V H trả tiền hui.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T H T đòi bàM B N trả tiền hui còn tH số tiền 19.500.000 đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bàM B N có nghĩa vụ trả tiền hui còn tH cho chị T H T và anhV C T số tiền 19.500.000 đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà M B N phải nộp số tiền 975.000 đ (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); chị T H T đã tạm ứng số tiền 487.000 đ (Bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tại biên lai số 0004581 ngày 07 tháng 01 năm 2020 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PL.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết hợp lệ Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu.

Quách Thanh Tồn